

Số: 08 /2015/TT-BXD

Hà Nội, ngày 29 tháng 12 năm 2015

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg
ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ
trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015**

Căn cứ Nghị định số 62/2013/NĐ-CP ngày 25 tháng 6 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2);

Xét đề nghị của Cục trưởng Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản;

Bộ trưởng Bộ Xây dựng ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 (Chương trình hỗ trợ hộ nghèo về nhà ở theo Quyết định số 167/2008/QĐ-TTg giai đoạn 2).

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về việc xác định đối tượng, điều kiện, phương thức hỗ trợ và việc tổ chức triển khai thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo tại khu vực nông thôn hoặc các hộ nghèo đang cư trú tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum sóc (gọi chung là thôn) trực thuộc phường, thị trấn; xã trực thuộc thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định tại Điều 2 Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015 (sau đây viết tắt là Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg).

2. Đối tượng áp dụng

a) Hộ gia đình được hỗ trợ xây dựng nhà ở (bao gồm xây dựng mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở) theo quy định tại Điều 2 của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

b) Các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Hỗ trợ đến từng hộ gia đình để xây dựng nhà ở theo đúng đối tượng quy định, đảm bảo diện tích và chất lượng nhà ở theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

2. Việc hỗ trợ phải đảm bảo dân chủ, công khai, công bằng và minh bạch, tuân thủ các quy định của pháp luật và chính sách của Nhà nước.

3. Hỗ trợ xây dựng nhà ở phải phù hợp với điều kiện thực tiễn, phong tục, tập quán của mỗi dân tộc, vùng, miền, bảo tồn bản sắc văn hóa của từng dân tộc; gắn với quy hoạch xây dựng nông thôn mới của địa phương.

4. Thực hiện hỗ trợ theo nguyên tắc: Nhà nước hỗ trợ theo phương thức cho vay vốn với lãi suất ưu đãi, cộng đồng giúp đỡ, hộ gia đình tham gia để xây dựng nhà ở đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng quy định; kết hợp lồng ghép các chương trình đầu tư, hỗ trợ khác của Trung ương và địa phương để phát huy hiệu quả của chính sách.

5. Sau khi được hỗ trợ, các hộ gia đình phải xây dựng được nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có. Chỉ thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở đối với các hộ gia đình thuộc diện đối tượng đã có đất để làm nhà ở. Đối với các hộ gia đình thuộc diện chưa có đất để làm nhà ở hoặc đã có đất để làm nhà nhưng nằm trong khu vực thường xuyên bị thiên tai, sạt lở đất, không đảm bảo an toàn, chính quyền địa phương tùy theo khả năng, điều kiện thực tế bố trí đất ở (phù hợp với quy hoạch) cho các hộ đó trước khi thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở.

Điều 3. Xác định đối tượng được hỗ trợ nhà ở

1. Đối tượng được hỗ trợ về nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg phải đảm bảo có đủ các điều kiện sau:

a) Là hộ nghèo (theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011 – 2015), đang sinh sống và có hộ khẩu thường trú tại địa phương, có trong

danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý tại thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành và là hộ độc lập có thời gian kể từ khi lập hộ mới đến khi Quyết định này có hiệu lực thi hành tối thiểu 05 năm.

b) Hộ chưa có nhà ở hoặc đã có nhà ở nhưng nhà ở quá tạm bợ, hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ và không có khả năng tự cải thiện nhà ở.

c) Hộ chưa được hỗ trợ nhà ở từ các chương trình, chính sách hỗ trợ của Nhà nước, các tổ chức chính trị xã hội khác; trường hợp đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác nhưng đã bị sập đổ hoặc hư hỏng nặng, có nguy cơ sập đổ do thiên tai gây ra do bão, lũ, lụt, động đất, sạt lở đất, hoả hoạn chưa có nguồn vốn để sửa chữa, xây dựng lại. Đã được hỗ trợ nhà ở theo các chương trình, chính sách hỗ trợ nhà ở khác có thời gian từ 08 năm trở lên tính đến thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng nay nhà ở đã hư hỏng, dột nát, có nguy cơ sập đổ.

2. Trường hợp những hộ có tên trong danh sách của Đề án được hỗ trợ vay vốn làm nhà ở nhưng trong quá trình thực hiện chính sách đã thoát nghèo, vẫn thuộc đối tượng được thụ hưởng chính sách, được vay vốn của Ngân hàng Chính sách xã hội.

3. Những hộ nghèo đã vay vốn từ Ngân hàng Chính sách xã hội và các tổ chức tín dụng khác để xây dựng nhà ở từ 01/01/2013 đến thời điểm Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg có hiệu lực thi hành nhưng đủ các điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này vẫn thuộc đối tượng hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, được vay vốn để trả nợ khoản tiền đã vay làm nhà ở.

Điều 4. Trình tự lập và phê duyệt danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở

1. Trưởng thôn tổ chức họp để phổ biến nội dung chính sách hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo đến các hộ dân; tổ chức bình xét, đề xuất danh sách các hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ về nhà ở trên cơ sở danh sách hộ nghèo do Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt và quản lý theo kết quả điều tra, rà soát hộ nghèo cuối năm 2014 (theo Quyết định số 09/2011/QĐ-TTg ngày 30 tháng 01 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành chuẩn hộ nghèo, hộ cận nghèo áp dụng cho giai đoạn 2011-2015). Cuộc họp phải có đại diện tối thiểu của 50% số hộ gia đình trong thôn và có sự tham gia của đại diện chính quyền cấp xã, đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã (theo mẫu tại Phụ lục số I kèm theo Thông tư này).

Việc bình xét theo nguyên tắc dân chủ, công khai, công bằng, minh bạch. Hộ được đưa vào danh sách đề nghị hỗ trợ phải được trên 50% số người tham dự cuộc họp đồng ý (theo hình thức biểu quyết giơ tay hoặc bỏ phiếu kín). Các thôn hướng dẫn các hộ dân có tên trong danh sách thuộc đối tượng của chính sách làm đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này).

2. Danh sách các hộ gia đình nghèo đề nghị được hỗ trợ xây dựng nhà ở của thôn được sắp xếp theo thứ tự ưu tiên được quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và được công khai tại thôn. Đối với những hộ có từ 02 ưu tiên trở lên thì chọn ưu tiên cao hơn. Đối với các hộ gia đình có cùng mức độ ưu tiên, việc hỗ trợ được thực hiện trước theo thứ tự sau:

a) Hộ gia đình có nhà ở hư hỏng, dột nát (làm bằng các vật liệu rẻ tiền, chất lượng thấp) có nguy cơ sập đổ, không đảm bảo an toàn;

b) Hộ gia đình chưa có nhà ở (là hộ gia đình chưa có nhà ở riêng, hiện đang ở cùng bố mẹ, ở nhờ nhà của người khác, thuê nhà ở - trừ trường hợp được thuê nhà ở thuộc sở hữu nhà nước);

c) Hộ gia đình có đông nhân khẩu.

3. Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, rà soát tổng hợp và gửi về Ủy ban nhân dân huyện danh sách số lượng hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở, trong đó thể hiện rõ danh sách những hộ có nhu cầu vay vốn và những hộ không có nhu cầu vay vốn. Trường hợp những hộ thuộc đối tượng của chính sách nhưng không có nhu cầu vay vốn, đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã lập danh sách để các hộ ký xác nhận đã được phổ biến nhưng không tham gia chính sách (theo mẫu tại Phụ lục số III kèm theo Thông tư này).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp và phê duyệt danh sách báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Trong quá trình thực hiện nếu có các trường hợp phải điều chỉnh danh sách thì phải phê duyệt lại và báo cáo ngay cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn (theo Phụ lục số VIII kèm theo Thông tư này); gửi Đề án về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng Chính sách xã hội để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ, đồng thời gửi Đề án cho Ngân hàng Chính sách xã hội cấp tỉnh để làm cơ sở cho vay.

Điều 5. Phương thức xây dựng nhà ở

1. Yêu cầu về kỹ thuật và chất lượng nhà ở

a) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo các cơ quan chức năng nghiên cứu thiết kế tối thiểu 03 mẫu nhà ở điển hình phù hợp với phong tục, tập quán của từng địa phương (kèm theo dự toán kinh phí, dự trữ vật liệu chủ yếu). Các địa phương tổ chức giới thiệu các mẫu thiết kế để người dân tham khảo, lựa chọn. Tôn trọng nguyện vọng của người dân, không bắt buộc các hộ gia đình xây dựng nhà ở theo thiết kế mẫu. Tùy theo điều kiện cụ thể người dân có thể xây dựng theo kinh nghiệm, truyền thống, phù hợp với điều kiện kinh tế, sinh hoạt của gia đình, nhưng phải đảm bảo tiêu chí tối thiểu về diện tích, chất lượng theo quy định tại điểm b và c của Khoản này. Ngoài thiết kế mẫu, các địa phương có hướng dẫn cụ thể đối với trường hợp sửa chữa, nâng cấp nhà ở.

b) Nhà ở mới hoặc sửa chữa, nâng cấp nhà ở đang có, đảm bảo diện tích sử dụng tối thiểu 24 m² (đối với những hộ độc thân không nơi nương tựa, có thể xây dựng nhà ở có diện tích sử dụng nhỏ hơn nhưng không thấp hơn 18 m²).

c) Nhà ở phải đảm bảo tiêu chuẩn “3 cứng” (nền cứng, khung - tường cứng, mái cứng); tuổi thọ căn nhà từ 10 năm trở lên. Các bộ phận nền, khung, mái của căn nhà phải được làm từ các loại vật liệu có chất lượng tốt, không làm từ các loại vật liệu tạm, mau hỏng, dễ cháy. Cụ thể:

- “Nền cứng” là nền nhà làm bằng các loại vật liệu có tác dụng làm tăng độ cứng của nền như: vữa xi măng - cát, bê tông, gạch lát;

- “Khung - tường cứng” bao gồm hệ thống khung, cột, tường kể cả móng đỡ. Tùy điều kiện cụ thể, khung, cột được làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc; tường xây gạch, đá hoặc làm từ gỗ bền chắc; móng làm từ bê tông cốt thép hoặc xây gạch, đá;

- “Mái cứng” gồm hệ thống đỡ mái và mái lợp. Tùy điều kiện cụ thể, hệ thống đỡ mái có thể làm từ các loại vật liệu: bê tông cốt thép, sắt, thép, gỗ bền chắc. Mái làm bằng bê tông cốt thép, lợp ngói hoặc lợp bằng các loại tấm lợp có chất lượng tốt như tôn, phi brô xi măng.

Tùy điều kiện thực tế, các bộ phận nhà ở có thể làm bằng các loại vật liệu có chất lượng tương đương có sẵn tại địa phương, đảm bảo thời hạn sử dụng. Ủy ban nhân dân các tỉnh hoặc ủy quyền cho Sở Xây dựng quy định chủng loại vật liệu địa phương cụ thể (nếu có), báo cáo Bộ Xây dựng xem xét, quyết định.

2. Tổ chức xây dựng nhà ở

a) Hộ gia đình trong danh sách được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở phải có đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở (theo mẫu tại Phụ lục số II kèm theo Thông tư này), đề xuất lựa chọn mẫu nhà, phương thức xây dựng nhà ở;

b) Đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật) không có khả năng tự xây dựng nhà ở thì Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh và các tổ chức, đoàn thể khác tại địa phương tổ chức xây dựng nhà ở cho các đối tượng này;

c) Các hộ gia đình phải báo cho Ủy ban nhân dân cấp xã khi hoàn thành các phần việc theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ xây dựng nhà ở mới, hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có) hoặc hoàn thành toàn bộ công trình để tổ chức nghiệm thu làm cơ sở để Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện giải ngân vốn vay;

d) Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm theo dõi, giám sát và giúp đỡ các hộ gia đình trong quá trình xây dựng nhà ở mới hoặc sửa chữa nâng cấp nhà ở; lập biên bản xác nhận hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng (*theo mẫu tại Phụ lục số IV và Phụ lục số V kèm theo Thông tư này*);

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Trách nhiệm của các Bộ, ngành Trung ương

a) Bộ Xây dựng là cơ quan thường trực, chủ trì, phối hợp với các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Lao động - Thương binh và Xã hội; Ngân hàng Chính sách xã hội tổng hợp, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra, giải quyết các vướng mắc theo thẩm quyền hoặc trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, giải quyết những vấn đề vượt thẩm quyền;

b) Các Bộ, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Ủy ban Dân tộc của Chính phủ căn cứ nội dung của Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg và Thông tư này phối hợp với Bộ Xây dựng để triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được Chính phủ phân công;

c) Ngân hàng Chính sách xã hội thực hiện nhiệm vụ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg, căn cứ nguồn vốn do ngân sách trung ương cấp, Ngân hàng Chính sách xã hội huy động 50% trên tổng số vốn vay để đáp ứng nhu cầu vay vốn của các đối tượng thụ hưởng chính sách. Sau khi nhận được văn bản tổng hợp danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn của Ủy ban nhân dân cấp xã, Ngân hàng Chính sách xã hội làm thủ tục giải ngân vốn vay cho hộ nghèo đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định; hướng dẫn cụ thể về hồ sơ, thủ tục vốn vay đảm bảo đơn giản, rõ ràng, dễ thực hiện và thời hạn làm thủ tục giải ngân không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày Ngân hàng Chính sách xã hội nhận được đầy đủ hồ sơ vay vốn theo đúng quy định.

2. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương để chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; giao Sở Xây dựng là cơ quan thường trực chỉ đạo thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở trên địa bàn theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg;

b) Tổ chức lập và phê duyệt Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011-2015 trên địa bàn theo khoản 5, Điều 4 Thông tư này;

c) Tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở trên địa bàn đúng quy định, phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương, đảm bảo việc hỗ trợ đúng đối tượng, đúng mục đích và có hiệu quả. Tùy điều kiện thực tế, quyết định việc hỗ trợ thêm từ ngân sách địa phương nâng cao chất lượng nhà ở của các hộ gia đình ngoài nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách trung ương;

d) Chỉ đạo các cơ quan liên quan, các cấp chính quyền địa phương phối hợp với các tổ chức, đoàn thể trên địa bàn, vận động cộng đồng ủng hộ, giúp đỡ hộ nghèo xây dựng nhà ở;

e) Hàng tháng báo cáo nhanh (*theo Phụ lục số VI kèm theo Thông tư này*) và báo cáo định kỳ mỗi năm một lần (*theo Phụ lục số VII kèm theo Thông tư này*) kết quả thực hiện gửi Bộ Xây dựng để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ;

g) Lập kế hoạch vốn thực hiện chính sách (bao gồm tất cả các nguồn vốn), báo cáo tiến độ thực hiện, kết quả giải ngân hàng năm gửi về Bộ Xây dựng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính, Ngân hàng nhà nước, Ngân hàng Chính sách xã hội để làm căn cứ tổng hợp kế hoạch vốn vay;

h) Chỉ đạo thực hiện việc tuyên truyền, phổ biến chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở đến người dân thông qua các phương tiện thông tin đại chúng như báo, đài của địa phương, pa nô, áp phích, tờ rơi. Tổ chức công bố công khai các tiêu chuẩn, đối tượng được thụ hưởng chính sách;

i) Ban hành các quy định hướng dẫn theo nội dung Thông tư này, đảm bảo phù hợp với đặc điểm và điều kiện của địa phương, thực hiện có hiệu quả chính sách hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở.

3. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

a) Kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện chính sách giảm nghèo cấp huyện để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg;

b) Tổng hợp phê duyệt theo thẩm quyền danh sách hộ nghèo được hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn theo khoản 4, Điều 4 Thông tư này.

c) Thường xuyên kiểm tra, giám sát việc thực hiện, đảm bảo chính sách đến được từng hộ nghèo có khó khăn về nhà ở thuộc diện đối tượng được hỗ trợ theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg; không để xảy ra thất thoát, tiêu cực; đảm bảo các hộ nghèo có nhà ở sau khi được hỗ trợ theo quy định; có biện pháp phòng ngừa việc chuyển nhượng nhà ở trái quy định; lập báo cáo nhanh kết quả thực hiện gửi về Sở Xây dựng trước ngày 20 hàng tháng để tổng hợp báo cáo Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan.

4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

a) Kiện toàn Ban giảm nghèo cấp xã để thực hiện Chính sách;

b) Xem xét, tổng hợp danh sách hộ gia đình được hỗ trợ vay vốn và có nhu cầu vay vốn trình Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp phê duyệt theo khoản 3, Điều 4 Thông tư này;

c) Tổ chức nghiệm thu xác nhận khối lượng xây dựng hoàn thành theo giai đoạn (hoàn thành phần móng đối với những hộ gia đình xây dựng mới hoặc hoàn thành 30% khối lượng công việc xây dựng đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, nâng cấp nhà ở đã có) và xác nhận hoàn thành công trình đưa vào sử dụng để làm cơ sở giải ngân và thanh toán vốn vay theo quy định. Mỗi loại biên bản lập 03 bản: 01 bản chủ hộ giữ, 01 bản gửi phòng Tài chính - Kế hoạch cấp huyện, 01 bản Ủy ban nhân dân cấp xã làm cơ sở lập văn bản tổng hợp danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để giải ngân vốn vay, thời gian không được quá 03 ngày làm việc;

d) Lập hồ sơ hoàn công cho từng hộ được hỗ trợ vay vốn xây dựng nhà ở bao gồm:

- Trích danh sách có tên hộ nghèo được vay vốn hỗ trợ xây dựng nhà ở;
- Đơn đăng ký vay vốn hỗ trợ và cam kết xây dựng nhà ở;
- Biên bản xác nhận xây dựng nhà ở hoàn thành theo giai đoạn và biên bản xác nhận hoàn thành xây dựng nhà ở đưa vào sử dụng;
- Các chứng từ vay vốn để làm nhà ở.

e) Ủy ban nhân dân cấp xã chỉ đạo, giám sát để các hộ gia đình sử dụng vốn vay làm nhà ở đúng mục đích, đảm bảo nhà ở phải được xây dựng hoàn chỉnh để đưa vào sử dụng; vận động các tổ chức, đoàn thể như: Mặt trận Tổ quốc, Hội Liên hiệp phụ nữ, Hội Nông dân, Hội Cựu chiến binh, Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giúp đỡ các hộ gia đình nghèo xây dựng nhà ở; phát huy cao nhất khả năng huy động nguồn lực từ cộng đồng và hộ gia đình, tận dụng, khai thác vật liệu tại chỗ như cát, đá, sỏi, gỗ để giảm giá thành xây dựng nhà ở;

5. Cục Quản lý nhà và thị trường bất động sản có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tình hình thực hiện hỗ trợ hộ nghèo xây dựng nhà ở; tổng hợp, báo cáo tình hình thực hiện theo định kỳ và kiến nghị việc sửa đổi, bổ sung để trình Bộ trưởng Bộ Xây dựng xem xét, ban hành theo thẩm quyền hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

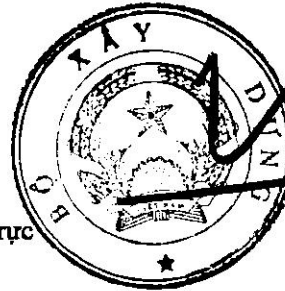
1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 2 năm 2016.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các cấp, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, đề nghị phản ánh kịp thời về Bộ Xây dựng để sửa đổi, bổ sung hoặc báo cáo Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương và các ban của Đảng;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách Xã hội;
- UBTW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- Công báo; Website Chính phủ; Website BXD;
- Lưu VT, QLN.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Hồng Hà

Phụ lục số II

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm.....

ĐƠN ĐĂNG KÝ VAY VỐN HỖ TRỢ VÀ CAM KẾT XÂY DỰNG NHÀ Ở
(Theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ)

Kính gửi: UBND xã (phường, thị trấn)
Huyện (quận, thị xã)..... Tỉnh (thành phố).....

Tên tôi là:.....

Có hộ khẩu thường trú tại thônXã (phường, thị trấn)

Huyện (quận, thị xã).....Tỉnh (thành phố).....

Là hộ có tên trong danh sách phê duyệt được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, xin đăng ký vay vốn làm nhà ở với UBND xã (phường, thị trấn) các nội dung sau:

1. Mẫu nhà áp dụng (nếu xây dựng mới):
2. Đề nghị cung ứng vật liệu để xây dựng nhà ở (nếu có nhu cầu)

Thứ tự	Tên vật liệu chính	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Xi măng			
2	Sắt thép			
3	Gỗ			
4	Tấm lợp			

3. Số tiền đề nghị vay từ Ngân hàng Chính sách xã hội:.....đồng.

4. Đề nghị tổ chức, đoàn thể xây dựng nhà ở (*)

Tôi xin cam kết sử dụng vốn vay để xây dựng nhà ở.

Tôi xin trân trọng cảm ơn./.

Ý KIẾN CỦA UBND CẤP XÃ

NGƯỜI LÀM ĐƠN
(ký, ghi rõ họ tên)

* Chỉ áp dụng đối với các hộ gia đình có hoàn cảnh khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)

Phụ lục số III

(Kèm theo Thông tư số 8/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

UBND HUYỆN.....
UBND XÃ.....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngàytháng ... năm

DANH SÁCH

**NHỮNG HỘ NGHÈO THUỘC DIỆN ĐƯỢC HỖ TRỢ NHƯNG KHÔNG
CÓ NHU CẦU VAY VỐN LÀM NHÀ Ở**

Hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ xây dựng nhà ở theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ, nhưng không có nhu cầu vay vốn làm nhà ở tại thôn.....

TT	Họ tên chủ hộ	Chữ ký xác nhận không có nhu cầu vay vốn làm nhà ở	Ghi Chú
1			
...			

TRƯỞNG THÔN

MẶT TRẬN TỔ QUỐC XÃ

UBND XÃ

Phụ lục số IV

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH THEO GIAI ĐOẠN
XÂY DỰNG NHÀ Ở**

Hôm nay, ngày.... thángnăm.....

Tại công trình xây dựng nhà ở :

Địa chỉ tại thôn: Xã (phường, thị trấn):

Huyện (quận, thị xã):..... Tỉnh (thành phố):

Thành phần Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở

1. Đại diện UBND cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

3. Đại diện thôn

- Ông (bà): chức vụ:

- Ông (bà): chức vụ:

4. Đại diện hộ gia đình

- Ông (bà):

Nội dung xác nhận

Sau khi kiểm tra, xem xét thực tế phần công việc đã thực hiện của giai đoạn xây dựng phần móng nhà (hoặc hoàn thành từ 30% khối lượng công việc trở lên đối với những hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo nhà ở đã có); Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cấp xã thống nhất nội dung sau:

1. Về khối lượng:

- Xác nhận hoàn thành phần móng nhà ở

- Xác nhận hoàn thành 30% khối lượng công việc (đối với hộ gia đình thực hiện sửa chữa, cải tạo, nhà ở đã có)

2. Về chất lượng (Xác nhận việc đạt hay không đạt yêu cầu về chất lượng)

Biên bản lập thành 03 bản; 01 bản chủ hộ gia đình lưu giữ; 01 bản gửi phòng Tài chính huyện; 01 bản UBND cấp xã lưu và làm cơ sở lập Văn bản tổng hợp Danh sách hộ nghèo hoàn thành khối lượng xây dựng theo giai đoạn gửi Ngân hàng Chính sách xã hội để giải ngân vốn vay.

THÀNH PHẦN THAM GIA XÁC NHẬN

(ký và ghi rõ họ, tên)

1. Đại diện UBND xã

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc xã

3. Đại diện thôn

4. Đại diện hộ gia đình

Phụ lục số V

(Kèm theo Thông tư số 8/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN XÁC NHẬN HOÀN THÀNH
CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO HỘ NGHÈO**

Hôm nay, ngày.... tháng năm.....

Tại công trình xây dựng nhà ở:

Địa chỉ tại thôn:..... Xã (phường, thị trấn):

Huyện (quận, thị xã):..... Tỉnh (thành phố):

Thành phần Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cấp xã gồm:

1. Đại diện UBND cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

- Ông (bà): chức vụ:

3. Đại diện thôn

- Ông (bà): chức vụ:

- Ông (bà): chức vụ:

4. Đại diện hộ gia đình

- Ông (bà):

Nội dung xác nhận

Sau khi kiểm tra, xem xét thực tế nhà ở đã xây dựng hoàn thành, Ban nghiệm thu xây dựng nhà ở cho hộ nghèo cấp xã thống nhất các nội dung sau:

1. Về khối lượng

Xác nhận nhà ở xây mới (hoặc sửa chữa, cải tạo nhà đang có) của chủ hộ đã hoàn thành. Diện tích sàn sử dụng m².

2. Về chất lượng (*Xác nhận việc đạt hay không đạt yêu cầu về chất lượng*)

Kết luận

Xác nhận công trình đã hoàn thành, đảm bảo chất lượng theo quy định và đồng ý đưa vào sử dụng.

Biên bản lập thành 03 bản; 01 bản cho chủ hộ; 01 bản gửi phòng Tài chính huyện; 01 bản để Ủy ban nhân dân xã tổng hợp, lập hồ sơ hoàn thành công trình gửi Ủy ban nhân dân huyện.

THÀNH PHẦN THAM GIA XÁC NHẬN

(ký và ghi rõ họ, tên)

1. Đại diện UBND cấp xã

2. Đại diện Mặt trận Tổ quốc cấp xã

3. Đại diện thôn

4. Đại diện hộ gia đình

Phụ lục số VI

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 28 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

SỞ XÂY DỰNG TỈNH, TP.....

BÁO CÁO HÀNG THÁNG

Kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo theo Quyết định 33/2015/QĐ-TTg

Tháng năm 20...

I. Về số liệu thực hiện

TT	Nội dung	Đơn vị	Kết quả thực hiện trong tháng	Lũy kế thực hiện từ đầu Chương trình	Kế hoạch tháng tiếp theo	Ghi chú
1	Hộ xây dựng nhà ở mới	hộ				
2	Hộ sửa chữa, nâng cấp nhà ở	hộ				
3	Tổng số vốn huy động được	triệu đồng				
	Trong đó:					
	- Vốn vay Ngân hàng CSXH	triệu đồng				
	- Vốn huy động khác	triệu đồng				
4	Kết quả giải ngân vốn hỗ trợ (giải ngân hộ gia đình)					
	Tổng số vốn đã giải ngân	triệu đồng				
	Trong đó:					
	- Vốn vay Ngân hàng CSXH	triệu đồng				
	- Vốn huy động khác	triệu đồng				

II. Về khó khăn, vướng mắc

III. Kiến nghị (nếu có)

NGƯỜI LẬP

(Họ tên, số điện thoại liên lạc, email)

GIÁM ĐỐC SỞ XÂY DỰNG

Phụ lục số VII

MẪU BÁO CÁO CỦA UBND CẤP TỈNH

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 29 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO ĐỊNH KỲ HÀNG NĂM

Kết quả triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo

I. Kết quả thực hiện chính sách

1. Số hộ đã được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới:

- Số lượng nhà ở xây dựng mới lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ:căn, tương đương% so với số lượng nhà ở đã được phê duyệt tại đề án của tỉnh.

- Số lượng nhà ở xây dựng mới lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 (đối với các tỉnh, thành phố có các huyện nghèo thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ):.....căn.

- Số lượng nhà ở xây dựng mới lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số:.....căn

2. Số lượng nhà ở sửa chữa, cải tạo nhà ở hiện có:

- Số hộ đã được hỗ trợ sửa chữa, cải tạo, lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ:căn, tương đương% so với số lượng nhà ở đã được phê duyệt tại đề án của tỉnh.

- Số hộ đã được hỗ trợ sửa chữa, cải tạo nhà ở đang có lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 (đối với các tỉnh, thành phố có các huyện nghèo thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ):.....căn.

- Số hộ đã được hỗ trợ sửa chữa, cải tạo nhà ở đang có lũy kế đến thời điểm báo cáo đã được hỗ trợ của các hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số:.....căn,

3. Tổng số vốn huy động để thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo:

Trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Vốn huy động khác:

4. Tổng số vốn đã được giải ngân để thực hiện hỗ trợ xây dựng nhà ở cho hộ nghèo:

Trong đó:

- Vốn vay Ngân hàng Chính sách xã hội:

- Vốn huy động khác:

5. Công tác triển khai hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo:

- Về cách thức thực hiện hỗ trợ:

- Về chất lượng nhà ở, vật liệu làm nhà ở, diện tích:

II. Những khó khăn vướng mắc trong quá trình triển khai thực hiện

.....
.....
.....

III. Những kiến nghị của địa phương.

.....
.....
.....

TM. UBND TỈNH
Chủ tịch
(Ký tên, đóng dấu)

Phụ lục số VIII

(Kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 21 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

ĐỀ CƯƠNG

Xây dựng đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 – 2015 theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của Thủ tướng Chính phủ

UBND TỈNH (TP):

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

ĐỀ ÁN

**HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO GIAI
ĐOẠN 2011 - 2015**

**(theo Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10/8/2015 của
Thủ tướng Chính phủ)**

I. MỞ ĐẦU:

1. Khái quát những đặc điểm tự nhiên, kinh tế - xã hội của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, sự ảnh hưởng của vị trí địa lý, khí hậu đối với nhà ở của các hộ nằm trong đối tượng được hỗ trợ nhà ở tại địa phương.

2. Nêu sự cần thiết phải lập Đề án hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

3. Các căn cứ để lập Đề án.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC TRẠNG NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO THEO CHUẨN NGHÈO GIAI ĐOẠN 2011 - 2015 Ở TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG.

1. Nhận xét, đánh giá thực trạng nhà ở của các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

a) Về số lượng nhà ở;

b) Về chất lượng nhà ở.

2. Đánh giá tác động của các yếu tố khí hậu đối với nhà ở về đảm bảo an toàn khi xảy ra bão, tố, lốc trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

3. Nhận xét, đánh giá chung về thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã và đang thực hiện tại địa phương:

a) Về ưu điểm;

b) Về các hạn chế, tồn tại (phân tích nguyên nhân và biện pháp khắc phục).

III. ĐÁNH GIÁ PHƯƠNG THỨC HUY ĐỘNG VÀ QUẢN LÝ NGUỒN LỰC CỦA ĐỊA PHƯƠNG ĐÃ THỰC HIỆN HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐỐI VỚI HỘ NGHÈO

1. Về phương thức huy động nguồn lực.

2. Về quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo.

3. Về thực hiện việc quản lý sử dụng, cấp phát, thanh toán nguồn vốn cấp, vay tín dụng ưu đãi cũng như các nguồn vốn huy động khác.

4. Về cách thức hỗ trợ (người dân tự làm hoặc do các tổ chức, doanh nghiệp xây dựng sau đó bàn giao cho hộ dân,...).

5. Đánh giá chung về việc thực hiện huy động và quản lý nguồn lực của địa phương trong quá trình thực hiện các chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo đã thực hiện trong thời gian qua.

IV. MỘT SỐ NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA ĐỀ ÁN

1. Mục tiêu, nguyên tắc hỗ trợ.

2. Yêu cầu về diện tích và chất lượng nhà ở.

3. Mức vay để làm nhà ở.

4. Đối tượng được hỗ trợ nhà ở (theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg).

5. Phạm vi áp dụng: tại khu vực nông thôn hoặc tại các thôn, làng, buôn, bản, ấp, phum, sóc (gọi tắt là thôn) trực thuộc phường, thị trấn; xã trực thuộc thị xã, thành phố.

6. Xác định số lượng hộ nghèo cần hỗ trợ xây dựng nhà ở trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng được hỗ trợ xây dựng nhà ở mới, sửa chữa nâng cấp nhà ở hiện có (tính đến thời điểm Quyết định 33/2015/QĐ-TTg

có hiệu lực thi hành):.....hộ. Trong đó số hộ thuộc đối tượng hỗ trợ tự nguyện đăng ký vay vốn làm nhà ở:.....hộ.

- Tổng số hộ thuộc diện đối tượng hỗ trợ đăng ký vay vốn làm nhà ở cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 (Đối với các tỉnh, thành phố có các huyện nghèo thuộc diện hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ):.....hộ.

7. Phân loại đối tượng ưu tiên(hộ gia đình đăng ký vay vốn làm nhà ở):

a) Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)....hộ;

b) Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số.....hộ;

c) Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai.....hộ;

d) Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn.....hộ;

đ) Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn.....hộ;

e) Hộ gia đình đang cư trú tại các huyện nghèo theo quy định tại Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 27/12/2008 của Chính phủ.....hộ;

f) Các hộ gia đình còn lại....hộ.

Đối với các hộ thuộc diện từ hai loại đối tượng ưu tiên trở lên thì chọn loại ưu tiên cao nhất.

8. Nguồn vốn thực hiện:

Ngoài các nguồn vốn quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg còn bao gồm các nguồn vốn của tỉnh, thành phố dự kiến huy động được để hỗ trợ.

9. Xác định tổng số vốn thực hiện và phân khai nguồn vốn thực hiện:

Tổng số vốn cần có để thực hiện:.....tỷ đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi:.....tỷ đồng;

- Dự kiến vốn huy động tại địa phương từ quỹ “Ngày vì người nghèo” do Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động và từ các doanh nghiệp do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam vận động:.... tỷ đồng;

- Dự kiến vốn huy động của cộng đồng, dòng họ và của chính hộ gia đình được hỗ trợ:.....tỷ đồng.

- Các nguồn vốn khác (nếu có):.....tỷ đồng.

10. Cách thức thực hiện:

a) Bình xét và phê duyệt danh sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015.

b) Cấp vốn vay ưu đãi làm nhà ở.

c) Thực hiện xây dựng nhà ở.

11. Tiến độ thực hiện:

- Năm 2016: Thực hiện hỗ trợ khoảng 10% số đối tượng;

- Năm 2017: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số đối tượng;

- Năm 2018: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số đối tượng;

- Năm 2019: Thực hiện hỗ trợ khoảng 25% số đối tượng;

- Năm 2020: Thực hiện hỗ trợ khoảng 20% số đối tượng.

12. Tiến độ huy động vốn hàng năm:

a) Năm 2016:

Tổng số vốn cần có để thực hiện:..... tỷ đồng.

- Vốn vay tín dụng ưu đãi:.....tỷ đồng;

- Vốn huy động khác:.....tỷ đồng.

b) Năm 2017:.....

c) Năm 2018:.....

d) Năm 2019:.....

đ) Năm 2020:.....

13. Tổ chức thực hiện:

Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

a) Chỉ đạo thực hiện việc rà soát, bình xét, lập danh sách, phân loại đối tượng ưu tiên theo quy định; lập, phê duyệt Đề án và tổ chức thực hiện chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 trên địa bàn tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương gửi Bộ Xây dựng và các Bộ, ngành liên quan; củng cố và kiện toàn Ban chỉ đạo thực hiện các mục tiêu giảm nghèo các cấp; giao các cơ quan chức năng thiết kế mẫu nhà ở phù hợp và giới thiệu rộng rãi để nhân dân lựa chọn.

b) Cụ thể hoá các nhiệm vụ Thủ tướng Chính phủ giao các địa phương tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg.

c) Phân giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành liên quan và các địa phương của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

V. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

1. Kết luận
2. Kiến nghị

VI. PHỤ LỤC

Bảng thống kê danh sách hỗ trợ nhà ở đối với các hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015 theo quy định tại Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg (phụ lục số IX kèm theo Thông tư số /2015/TT-BXD ngày tháng năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

..... ngày tháng năm 2015.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, THÀNH PHỐ

Phụ lục số IX

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ BẢNG TỔNG HỢP SỐ HỘ THUỘC DIỆN ĐỐI TƯỢNG ĐƯỢC HỖ TRỢ NHÀ Ở ĐĂNG KÝ VAY VỐN LÀM NHÀ Ở THEO QUY ĐỊNH TẠI QUYẾT ĐỊNH SỐ 33/2015/QĐ-TTg

(phụ lục số IX kèm theo Thông tư số 08/2015/TT-BXD ngày 10 tháng 12 năm 2015 của Bộ Xây dựng hướng dẫn thực hiện Quyết định số 33/2015/QĐ-TTg ngày 10 tháng 8 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ về chính sách hỗ trợ nhà ở đối với hộ nghèo theo chuẩn nghèo giai đoạn 2011 - 2015)

Đơn vị tính: Hộ gia đình

TT	Họ tên chủ hộ thuộc đơn vị hành chính	Ngày/tháng/ năm được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt là hộ nghèo theo chuẩn nghèo quy định tại Quyết định 09/2011/ QĐ-TTg	Tổng số hộ nghèo thuộc diện được hỗ trợ nhà ở đăng ký vay vốn làm nhà ở theo quy định tại Quyết định 33/2015/QĐ-TTg	Phân loại đối tượng ưu tiên						
				Hộ gia đình có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn (già cả, neo đơn, tàn tật)	Hộ gia đình là đồng bào dân tộc thiểu số	Hộ gia đình thuộc vùng thường xuyên xảy ra thiên tai	Hộ gia đình đang sinh sống tại các thôn, bản đặc biệt khó khăn	Hộ gia đình đang sinh sống tại các đơn vị hành chính thuộc vùng khó khăn	Hộ gia đình cư trú tại các huyện nghèo theo Nghị quyết 30a/2008/ NQ-CP	Hộ gia đình còn lại
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
	Tổng cộng (Tỉnh, TP)									
I	Huyện A									
I.1	Xã A1									
I.1.1	Thôn, bản ...									
1	Nguyễn Văn A									
2	Trần Thị B									
I.2	Xã A2									
I.2.1	Thôn, bản ...									
1	Lê Thị C									
2	Trần Văn D									
II	Huyện B									
II.1	Xã B1									
II.1.1	Thôn, bản ...									
1	...									

Ghi chú: Đối với những hộ có từ hai ưu tiên trở lên, chỉ tổng hợp và ghi vào một cột có ưu tiên cao hơn.

Người lập biểu
(họ, tên, số điện thoại liên lạc)

TM. UBND TỈNH, THÀNH PHỐ